

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ Điều 42 Bộ luật lao động 2013;  
Căn cứ khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;  
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 8 năm 2018, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án lao động thụ lý số: 01/2018/TLST-LĐ về việc “*Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*” ngày 08 tháng 01 năm 2018.

**XÉT THẤY:**

Thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07(bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

- **Nguyên đơn:** Chị Đinh Thị L, sinh năm 1980;

Địa chỉ và nơi làm việc: Thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh K;

- **Bị đơn:** Phòng L, huyện T, tỉnh K; Người đại diện theo pháp luật: Ông A T; chức vụ: Trưởng phòng.

Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện T, tỉnh K.

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. Phòng L đồng ý thanh toán các khoản bồi thường khi chấm dứt hợp đồng lao động cho chị Đinh Thị L tổng cộng số tiền: 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng).

2.2. Về phương thức và thời gian thanh toán các bên thoả thuận như sau:

Phòng L, huyện T, tỉnh K sẽ thanh toán cho chị Đinh Thị L số tiền 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng) được chia thành hai đợt cụ thể:

+ Đợt 1: Ngày 06/9/2018 Phòng L, huyện T, tỉnh K chi trả cho chị Đinh Thị L số tiền: 20.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng).

+ Đợt 2: Ngày 11/10/2018 Phòng L, huyện T, tỉnh K chi trả cho chị Đinh Thị Liên số tiền còn lại là: 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng)

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3. Về án phí: Án phí lao động hòa giải thành có giá ngạch là 480.000đ (Bốn trăm tám mươi nghìn đồng), Phòng L huyện T, phải chịu toàn bộ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Tu Mơ Rông;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- Chi cục THA huyện Tu Mơ Rông;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**THẨM PHÁN**

**Ngô Đình Tài**